TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: /2017/KDTM-ST
Ngày 15 tháng 8 năm 2017
V/v:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.
2. Bà Hoàng Thị Hải Yến.

***- Thư ký phiên toà**:* Bà Hứa Thị Thơ - Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa**:* Ông Thân Văn Nhất- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 08/2017/TLST-KDTM ngày 07 tháng 4 năm 2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2017/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2017/QĐ-HPT ngày 06/7/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2017/QĐ-HPT ngày 25/7/2017 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần ĐA.

Trụ sở: 130, Phan Đăng L, quận PN, thành phố H

* Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang H, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng TMCP ĐA- Chi nhánh B (Quyết định ủy quyền số 682/QĐ-ĐAB-PC ngày 14/4/2016).

* Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

- Bà Vũ Xuân Q, chức vụ: Kiểm soát quản lý tín dụng- Ngân hàng TMCP ĐA, chi nhánh B (Văn bản ủy quyền số 279/ QĐ- BGG ngày 21/12/2016). (Vắng mặt)

- Ông Vũ Đình T, chức vụ: Nhân viên quản lý tín dụng- Ngân hàng TMCP ĐA- Chi nhánh B. (Văn bản ủy quyền số 170/QĐ- BGG ngày 14/8/2017) (Có mặt)

Địa chỉ chi nhánh: Số XYZ, đường L, phường H, thành phố B, tỉnh B.

2. Bị đơn:

2.1. Anh La Thế A, sinh năm: 1982

2.2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1986

Đều ĐKHKTT: Thôn SG, xã SM, thành phố B, tỉnh B. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1961

Địa chỉ: Thôn SG, xã SM, thành phố B, tỉnh B (có mặt)

3.2. Anh La Thế D, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn SG, xã SM, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP ĐA là bà Vũ Xuân Q và ông Vũ Đình T trình bày: Anh La Thế A và chị Nguyễn Thị H có quan hệ tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần ĐA (sau đây viết tắt là Ngân hàng TMCP ĐA). Tổng hạn mức cấp tín dụng: 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 868/NT ngày 01/6/2015 chi tiết bao gồm những khoản sau:

Khoản cấp tín dụng: Hợp đồng vay vốn số K0237/115 ngày 30/12/2015.

Số tiền vay: 150.000.000đồng; lãi suất 10,25%; thời hạn vay: 06 tháng từ ngày 30/12/2015 đến ngày 30/6/2016; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh sản xuất đồ gỗ.

Biện pháp bảo đảm: Anh La Thế A và chị Nguyễn Thị H thế chấp cho DA Bank tài sản là bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 13N2, tờ bản đồ số: theo quy hoạch phân lô tại thôn SG, xã SM, thành phố B, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 420131 số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số H01616/QĐ số 1570/QĐ-UBND do UBND thành phố B cấp ngày 08/5/2015 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị H theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 868/NT-HĐTC ngày 02/6/2015. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định.Trong quá trình vay, từ ngày 30/12/2015 đến ngày 30/6/2016 anh La Thế A và chị Nguyễn Thị H trả cho Ngân hàng được tổng số tiền: Lãi trong hạn 3.886.458đồng; lãi quá hạn 0 đồng. Tính đến ngày 21/12/2016 anh TA và chị H còn nợ các khoản sau: Vốn 150.000.000đồng; lãi trong hạn 3.929.166đồng; lãi quá hạn 11.146.875đồng; tổng cộng 165.076.041 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn, bốn mươi mốt đồng chẵn).

Nay Ngân hàng TMCP ĐA yêu cầu: Buộc anh La Thế A và chị Nguyễn Thị H phải trả ngay cho DongA Bank tổng số nợ còn thiếu (gồm lãi trong hạn, phạt, lãi quá hạn, vốn) tính đến ngày 11/4/2017 là: 172.186.979 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 12/4/2017 đến ngày anh TA và chị H trả hết nợ cho DongA Bank theo lãi suất quá hạn. Nếu anh TA và chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản đảm bảo là bất động sản tại thửa đất số 13N2, tờ bản đồ số: theo quy hoạch phân lô tại thôn SG, xã SM, thành phố B, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 420131 số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số H01616/QĐ số 1570/QĐ-UBND do UBND

thành phố B cấp ngày 08/5/2015 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị H để thu hồi nợ cho Dong A Bank. Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh TA và chị H thì anh TA và chị H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP ĐA.

Bị đơn là anh La Thế A và chị Nguyễn Thị H đang có nghĩa vụ trả gốc và hàng tháng phải trả lãi cho Ngân hàng nhưng anh TA, chị H đi khỏi nơi cư trú, không thông báo Ngân hàng và cũng không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú. Toà án xác minh tại địa phương xác định anh TA, chị H có hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng đi làm ăn xa, không thông báo cho địa phương biết địa chỉ nên địa phương không biết anh TA, chị H đi đâu, làm gì, thỉnh thoảng anh TA và chị H có về nhà ở thôn SG, xã SM vài ngày rồi lại đi, lịch trình đi về không cố định. Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ nhiều lần tại nơi cư trú của anh TA, chị H nhưng anh TA và chị H không đến Tòa án để viết bản tự khai, hòa giải và cung cấp chứng cứ. Anh TA và chị H cố tình che giấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Ngân hàng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/4/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà xác nhận anh TA, chị H có vay ngân hàng và còn nợ số tiền như ngân hàng khởi kiện là đúng. Bà có thế chấp tài sản của hộ gia đình bà như Ngân hàng khởi kiện, nhưng do làm ăn thua lỗ nên anh TA không thanh toán được nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nay bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, bà đang cố gắng bằng mọi biện pháp để trả nợ cho Ngân hàng thay con trai bà. Trường hợp không trả được thì bà đồng ý phát mại tài sản thế chấp là bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 13N2, tờ bản đồ số: theo quy hoạch phân lô tại thôn SG, xã SM, thành phố B, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 420131 số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số H01616/QĐ số 1570/QĐ-UBND do UBND thành phố B cấp ngày 08/5/2015 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị H theo quy định của pháp luật.

Anh TA và chị H là các con của bà đang làm ăn ở Miền Nam, địa chỉ cụ thể ở đâu thì bà không nắm được. Thỉnh thoảng gia đình có việc anh TA và chị H có về nhà chơi mấy ngày rồi lại đi, gia đình vẫn liên lạc với anh TA, chị H bằng điện thoại. Các văn bản của Tòa án giao bà có trách nhiệm thông báo lại cho các con.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh La Thế D đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không viết bản tự khai, không đến Tòa án làm việc và cung cấp chứng cứ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, nhưng không hòa giải được vì anh TA, chị H, anh D vắng mặt không có lý do.

Ngày 06/7/2017 và ngày 25/7/2017 Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa do bị đơn là anh La Thế A, chị Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H1, anh La Thế D vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Buộc anh TA và chị H phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử 15/8/2017 là 180.258.854đồng (bằng chữ: Một trăm tám mươi triệu, hai trăm lăm mươi tám nghìn, tám trăm năm mươi bốn đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày xét xử đến ngày anh TA và chị H trả hết nợ cho DA Bank theo lãi suất quá hạn. Nếu anh TA và chị H không trả được nợ yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm của hộ bà Nguyễn Thị H1 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà đồng ý với việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP ĐA, xác nhận số nợ như Ngân hàng trình bày tại phiên tòa là đúng. Do điều kiện khó khăn bà đang tìm mọi cách khắc phục. Trường hợp anh TA, chị H không trả được nợ, bà đồng ý phát mại tài sản đã thế chấp của gia đình bà để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến như sau: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh La Thế A, chị Nguyễn Thị H, anh La Thế D không tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 90, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc anh TA, chị H phải trả cho Ngân hàng số tiền đến ngày 15/8/2017 là 180.258.854đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 15/8/2017 đến ngày anh La Thế A và chị Nguyễn Thị H thực trả hết nợ cho DongA Bank theo lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Trường hợp không trả được nợ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp của hộ bà Nguyễn Thị H1 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về đương sự vắng mặt tại phiên tòa*: Bị đơn là anh La Thế A, chị Nguyễn Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh La Thế D đã được giao thông báo thụ lý, Quyết định cung cấp chứng cứ, giấy triệu tập, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng anh TA, chị Huệ, anh D vắng mặt không có lý. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Xét về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Anh La Thế A, chị Nguyễn Thị H là cá nhân có giấy phép đăng ký kinh doanh, vay tiền Ngân hàng nhằm mục bổ

sung vốn kinh doanh, nơi thực hiện hợp đồng là trụ sở của Ngân hàng TMCP ĐA- chi nhánh B, theo địa chỉ ghi trong hợp đồng thì anh TA, chị H có nơi cư trú tại thôn SG, xã SM, thành phố B, tỉnh B, tài sản thế chấp tại xã SM. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố B theo qui định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Ngày 01/6/2015 các bên có ký kết hợp đồng tín dụng, theo đó Ngân hàng TMCP ĐA- Chi nhánh B là bên cho vay, anh TA, chị H là hộ gia đình có đăng ký kinh doanh là bên vay, biện pháp bảo đảm là là hợp đồng thế chấp bất động sản, thời hạn vay đến ngày 30/12/2015 anh TA, chị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng. Tuy nhiên, sau khi vay anh TA và chị H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi như cam kết theo hợp đồng, đã quá hạn trả nợ, ngày 09/3/2017 Ngân hàng khởi kiện đến Tòa án, đây là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Theo hợp đồng tín dụng số 868/NT ngày 01/6/2015 và Hợp đồng vay vốn số K0237/115 ngày 30/12/2015 thì Ngân hàng TMCP ĐA- Chi nhánh B và anh La Thế A, chị Nguyễn Thị H có ký hợp đồng tín dụng, trong đó Ngân hàng cho anh TA, chị H vay số tiền là 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh sản xuất đồ gỗ, thời hạn vay: 06 tháng, lịch trả nợ: ngày 30/6/2016; lãi suất 10,25%/năm, lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn, thanh toán lãi vay vào ngày 30 hàng tháng.

Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho anh La Thế A, chị Nguyễn Thị H theo giấy nhận nợ ngày 30/12/2015. Đến hạn trả nợ nhưng anh TA, chị H không trả nợ gốc, nợ lãi, theo đúng cam kết trong hợp đồng tín dụng. Như vậy, anh TA đã vi phạm vào khoản 4.1 Điều 4 của Hợp vay vốn, khoản 5.1, 5.2 Điều 5 của Hợp đồng tín dụng về lịch trả nợ gốc, lãi. Tính đến ngày 15/8/2017 anh La Thế A và chị Nguyễn Thị H còn nợ Ngân hàng số tiền là: nợ gốc: 150.000.000đồng; nợ lãi trong hạn: 3.929.166đồng; lãi quá hạn: 26.329.688đồng. Tổng cộng, cả gốc và lãi là: 180.258.854đồng, như Ngân hàng trình bày là đúng. Do đó, cần buộc anh La Thế A và chị Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng số tiền trên.

Để đảm bảo cho khoản vay trên anh La Thế A, chị Nguyễn Thị H và hộ bà Nguyễn Thị H1 có thế chấp cho Ngân hàng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 868/NT ngày 01/6/2015, cụ thể như sau: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 13N2, tờ bản đồ số: Theo quy hoạch phân lô, tại thôn SG, xã SM, thành phố B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 420131 số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số H0161/QĐ số 1570/QD-UBND do UBND thành phố B cấp ngày 08/5/2015 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị H1. Tài sản của hộ bà H1 được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 868/NT ngày 01/6/2015 là

sự thoả thuận giữa ngân hàng và hộ bà H1 và bên vay phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự về hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng thế chấp đã được Văn phòng Công chứng số 1 chứng thực và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch có bảo đảm. Trong trường hợp anh TA và chị H không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản đã được ký kết giữa Ngân hàng và hộ bà Nguyễn Thị H để đảm bảo cho khoản vay của anh TA và chị H tại Ngân hàng. Việc yêu cầu này của Ngân hàng là phù hợp với thoả thuận của các bên tại hợp đồng thế chấp đã nêu trên và phù hợp với Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về xử lý tài sản thế chấp. Do đó, trong trường hợp anh TA và chị H không trả được số tiền trên hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu bán phát mại toàn bộ tài sản để đảm bảo cho việc trả nợ là phù hợp với các qui định của hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản.

Ngân hàng phải trả lại hộ bà Nguyễn Thị H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi anh TA và chị H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên anh TA và chị H phải chịu: 180.258.854đồng x 5% = 9.012.942đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Ngân hàng TMCP ĐA không phải chịu án phí, hoàn trả Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 90; khoản 2 Điều 91; Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Điều 342; Điều 343; Điều 344; Điều 347; Điều 355; Điều 361; Điều 362; Điều 363; Điều 369 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Buộc anh La Thế A và chị Nguyễn Thị H phải trả Ngân hàng thương mại cổ phần ĐA số tiền tính đến ngày 15/8/2017 là: nợ gốc: 150.000.000đồng; nợ lãi trong hạn: 3.929.166đồng; lãi quá hạn: 26.329.688đồng. Tổng cộng, cả gốc và lãi là: 180.258.854đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi triệu, hai trăm lăm tám nghìn, tám trăm năm tư đồng) theo hợp đồng tín dụng số 868/NT ngày 01/6/2015.

2. Trong trường hợp anh La Thế A, chị Nguyễn Thị H không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng thì phải chịu các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật kể cả việc phát mại các tài sản đã thế chấp cụ thể như sau:

* Quyền sử dụng đất: tại thửa đất số 13N2, tờ bản đồ số: Theo quy hoạch phân lô, tại thôn SG, xã SM, thành phố B, diện tích 84,6m^2, hình thức sử dụng riêng 84,6m^2, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, thời hạn sử dụng đất: lâu dài, nguồn gốc sử dụng đất: công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 420131 số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số H0161/QĐ số 1570/QD-UBND do UBND thành phố B cấp ngày 08/5/2015 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị H1.

* Tài sản trên đất: Trên đất có một phần nhà lợp Fibro chưa hoàn thiện (chưa trát, chưa lát nền) có diện tích (3,15x0,80) + (1,7 x6,05) = 12,8m^2 (do bà H1 xây lô bên cạnh lấn sang).

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh thoán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí: Anh La Thế A, chị Nguyễn Thị H phải chịu 9.012.942đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP ĐA số tiền 4.126.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2012/06163 ngày 03/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận **:**
-TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND TP B;
- Chi cục THA dân sự TP B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

Trần Thị Hà